

Bản án số: 35/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đại

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 22/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Bảo S, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 208C/20, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 208C/20, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H

Địa chỉ: Số 76A, tổ 6, khóm 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Kim N – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lê Bảo S trình bày: Vào năm 2001 qua quen biết anh và Nguyễn Thị D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và

được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển 01, ngày 18/8/2014. Sau khi cưới vợ chồng anh sống chung với gia đình của anh, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị D tụ tập bạn bè ăn nhậu, trộm cắp tài sản của người khác, không lo cho gia đình, vì thương con anh cố gắng khuyên vợ làm ăn lo cho con, nhưng vợ anh về nhà được vài hôm thì cứ nhậu tiếp tục, anh không thể khuyên được nữa. Năm 2018 anh có làm đơn ly hôn nhưng vì thương con anh rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 19/5/2009, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 15.000.000 đồng. Khi ly hôn anh đồng ý trả toàn bộ số nợ trên.

-Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Trong thời gian anh chị chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Thời gian trước tết âm lịch 2018 anh S có quen người phụ nữ khác nên về hay cự cãi kiếm chuyện với chị. Hiện nay chị còn thương anh S nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 19/5/2009, nếu ly hôn chị đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không biết về số nợ vì anh S là người đứng ra vay, chị chỉ ký tên trong hợp đồng vay, còn anh S là người nhận tiền. Chị không đồng ý trả nợ cùng với anh S. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Cháu Lê Bảo N trình bày: Cháu là con ruột của Lê Bảo S và chị Nguyễn Thị D. Khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H có công văn số 31/TB-NHCS ngày 26/02/2019 nêu ý kiến về số nợ vay của anh Lê Bảo S và chị Nguyễn Thị D như sau: Anh Lê Bảo S là người có quyền lợi đại diện gia đình đứng tên vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H với món vay: Chương trình Hộ cận nghèo số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,66%/tháng. Ngày vay 08/3/2017, hạn trả 08/02/2022, mục đích chăn nuôi bò. Trong quá trình sử dụng vốn anh S đã đóng lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng (đến ngày 08/02/2019). Tạm tính đến ngày 26/02/2019, anh S còn nợ 15.000.000 đồng nợ gốc.

Do nguồn vốn của Ngân hàng chính sách xã hội là nguồn vốn của chính phủ giao thực hiện tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác, với mức lãi

suất ưu đãi. Đến nay anh S và chị D không vi phạm hợp đồng vay, món nợ vay chưa đến hạn nên Ngân hàng chính sách xã hội không yêu cầu anh S, chị D trả nợ trong vụ án này. Nếu anh S chị D không trả nợ vay đúng quy định Ngân hàng chính sách xã hội sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Ý kiến của Ngân hàng chính sách xã hội xin vắng mặt trong phiên xét xử.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

+Anh S vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với chị D. Về con chung: Anh đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Không yêu cầu giải quyết.

+Chị D không đồng ý ly hôn với anh S vì còn tình cảm với anh S. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh S, chị đồng ý nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01, ngày 18 tháng 8 năm 2014. Do đó hôn nhân của anh S và chị D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Từ năm 2013 giữa anh S và chị D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn. Chị D cho rằng anh S quen người khác nên về nhà hay kiểm chuyện với vợ. Do anh S và chị D có những bất đồng không thể giải quyết được. Năm 2018 anh S đã khởi kiện ly hôn với chị nhưng anh đã rút đơn để cho anh chị có cơ hội đoàn tụ. Cho thấy anh S cũng đã cố gắng khắc phục tình cảm vợ chồng, nhưng không đạt kết quả.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng trong thời gian chung sống giữa anh S và chị D có những mâu thuẫn không thể khắc phục. Đến nay mâu thuẫn của anh S và chị D ngày càng trầm trọng.

Chị D cho rằng vẫn còn thương anh S và không muốn ly hôn. Nhưng tại phiên tòa anh S vẫn bảo lưu ý kiến là được ly hôn với chị D vì chị D không biết sửa chữa sai lầm của mình. Cho thấy mâu thuẫn của anh chị không thể hàn gắn được, việc anh S yêu cầu ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Nguyên vọng của cháu Lê Bảo N là được ở với chị D. Anh S cũng đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D cũng đồng ý. Do đó giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Anh S trình bày có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 15.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết anh S và chị D không yêu cầu giải quyết, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H cũng không yêu cầu anh S và chị D trả nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Buộc anh S phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Bảo Sơn được ly hôn với chị Nguyễn Thị Duyên.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 19/5/2009 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc anh Lê Bảo S nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0002067, ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã Đ-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng